

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 667 /UBND-GDĐT

Cử Chi, ngày 22 tháng 01 năm 2024

Về triển khai thực hiện Nghị quyết
số 36/2023/NQ-HĐND của Hội
đồng nhân dân Thành phố và hướng
dẫn thu, sử dụng học phí năm học
2023-2024 của các cơ sở giáo dục
và đào tạo trên địa bàn huyện



Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện;
- Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập; cơ sở mầm non ngoài công lập trên địa bàn huyện;
- Trường Nuôi dạy Trẻ em khuyết tật huyện.

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ (Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND);

Căn cứ Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong năm học 2023 – 2024 (Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND);

Căn cứ Công văn số 6452/UBND-VX ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố;

Căn cứ Công văn số 14/SGDĐT-KHTC ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố về triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố và hướng dẫn thu, sử

dụng học phí năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố,

Căn cứ Công văn số 14927/UBND-GDDT ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về hướng dẫn thu, sử dụng học phí năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn huyện Củ Chi.

Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố và hướng dẫn công tác thu, sử dụng học phí năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện Củ Chi như sau:

1. Mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập

Thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ: Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập: *“Trường hợp Hội đồng nhân dân các tỉnh và các cơ sở giáo dục đã ban hành khung học phí hoặc mức thu học phí năm học 2023 - 2024 theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP với mức học phí tăng so với năm học 2021 - 2022 thì ngân sách địa phương đảm bảo phần chênh lệch tăng thêm so với số thu học phí năm học 2021 - 2022. Mức hỗ trợ cho từng cơ sở giáo dục do địa phương xem xét quyết định”*.

Đối với năm học 2023 – 2024 các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố được áp dụng mức thu học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, đồng thời áp dụng chính sách đặc thù hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập trên địa bàn huyện năm học 2023 – 2024. Cụ thể mức thu học phí cho từng cấp học như sau:

Cấp học	Mức thu học phí (đồng/học sinh/tháng)
Nhà trẻ	120.000
Mẫu giáo	100.000
Tiểu học	Không thu
Trung học cơ sở	Được hỗ trợ 100%

- Mức thu học phí năm học 2023 - 2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và các cơ sở giáo dục

mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: thực hiện theo mức thu học phí đã thực hiện của năm học 2021-2022.

- Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (học online) bằng 50% mức thu học phí nêu trên. Mức thu học phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

Hủy bỏ Công văn số 14927/UBND-GDDT ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về hướng dẫn thu, sử dụng học phí năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn huyện Củ Chi.

2. Thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố

Để việc triển khai chính sách đặc thù hỗ trợ học phí đúng quy định, Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các cơ sở giáo dục công lập, ngoài công lập và cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn huyện Củ Chi lưu ý về tổ chức thực hiện các nội dung như sau:

a. Đối tượng áp dụng.

- Trẻ em mầm non, học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện.

- Trẻ em mầm non, học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông ngoài công lập đang học tại cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn huyện không bao gồm các học sinh đang học tại cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.

b. Mức hỗ trợ cụ thể đối tượng như sau.

Cấp học	Mức hỗ trợ học phí (đồng/học sinh/tháng)
Nhà trẻ	
Mẫu giáo	
Trung học cơ sở	100.000

c. Về việc thực hiện chi trả hỗ trợ học phí cho học sinh theo Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND.

- Đối với các cơ sở giáo dục công lập:

Đề nghị các cơ sở giáo dục công lập có học sinh trung học cơ sở đã thực hiện tạm thu học phí theo Công văn số 14927/UBND-GDDT hoàn trả cho học sinh theo mức thu học phí THCS được quy định, cụ thể như sau: 30.000 đồng/học sinh/tháng.

Thời gian hoàn trả cho học sinh trước ngày 30 tháng 01 năm 2024.

Ngoài ra đối với học sinh đã chuyển trường: Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm chi trả hỗ trợ học phí cho học sinh theo quy định khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND theo số tháng thực học tại trường.

- Đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập:

Đề nghị thực hiện hỗ trợ 1 lần theo số tháng thực học vào cuối năm học 2023-2024 theo mức hỗ trợ cho học sinh quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND.

d. Về công tác tuyên truyền.

Thủ trưởng các cơ sở giáo dục có trách nhiệm phổ biến, tuyên truyền rộng rãi đến từng phụ huynh học sinh về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí của Thành phố trong năm học 2023-2024. Đây là chính sách đảm bảo an sinh xã hội, chia sẻ khó khăn, giảm bớt gánh nặng tài chính với cha mẹ học sinh, học sinh và người học trong bối cảnh kinh tế thành phố còn nhiều biến động nhằm giảm tác động đến xã hội do điều chỉnh mức thu học phí, đồng thời đảm bảo các chính sách miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí theo đúng quy định của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

3. Về trích tạo nguồn cải cách tiền lương

Thực hiện theo Công văn số 6082/UBND-KT ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về nguyên tắc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024: *“Để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương (tăng mức lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/ tháng lên 1.800.000 đồng/ tháng và chính sách thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù tại Thành phố Hồ Chí Minh), các cơ sở giáo dục công lập thực hiện trích lập đủ 40% số thu học phí trong năm 2024 để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương”.*

Đề nghị các cơ sở giáo dục công lập thực hiện trích lập đủ 40% số thu học phí trong năm 2024 để tạo lập nguồn cải cách tiền lương và phần chênh lệch được ngân sách cấp bù để thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho học sinh và thực hiện chính sách miễn giảm theo quy định (nếu có).

4. Về việc thực hiện quản lý thu, chi học phí

a. Đối với các cơ sở giáo dục công lập.

- Thực hiện quản lý thu, chi học phí theo quy định tại Chương III Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (Điều 12 và Điều 13);

- Thực hiện thanh toán học phí theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt theo Công văn số 2200/GĐĐT ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, về lưu ý trong công tác triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố từ năm học 2023-2024.

- Khi thu tiền của người học các cơ sở giáo dục phải thực hiện trả chứng từ thu kịp thời, đầy đủ, đúng quy định. Tuyệt đối không giao nhiệm vụ cho giáo viên trực tiếp thu, chỉ tiền.

- Thực hiện theo dõi, ghi sổ kế toán đầy đủ kịp thời các khoản thu phát sinh tại đơn vị đảm bảo đúng chế độ tài chính, kế toán hiện hành.

b. Đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

- Đề nghị các cơ sở giáo dục và đào tạo xác định mức thu học phí căn cứ vào tình hình thực tế để triển khai, các khoản chi phí phát sinh cần thiết để thực hiện các hoạt động tổ chức dạy, học. Từ đó, tính toán mức thu hợp lý và nghiêm túc thực hiện chính sách hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND đã nêu tại mục 2 Công văn này.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, kiểm toán, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và những quy định hiện hành khác liên quan.

5. Về công khai khoản thu

- Đối với các cơ sở giáo dục công lập.

+ Thông báo đầy đủ, công khai bằng văn bản mức thu học phí đến phụ huynh học sinh.

+ Thực hiện công khai mức thu học phí, phương thức và thời gian thực hiện theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC và Thông tư 36/2017/TT-BGDDT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản liên quan khác.

- Đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập:

+ Thông báo đầy đủ, công khai bằng văn bản và giải trình với phụ huynh, người học về mức thu học phí do cơ sở giáo dục quyết định;

+ Hàng năm, thực hiện chế độ công khai tài chính và lập báo cáo tài chính gửi cơ quan quản lý ngành, cơ quan tài chính và cơ quan thuế cùng cấp theo chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê; thực hiện kiểm toán hàng năm và công khai kết quả kiểm toán theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND

a) Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện

- Biểu mẫu báo cáo nhu cầu kinh phí: Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thực hiện theo Mẫu số 01 gửi về Sở Tài chính Thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố trước ngày 30 tháng 01 năm 2024.

Cuối năm học 2023-2024, Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xác nhận số lượng học sinh thực tế trong năm học 2023-2024 tại các cơ sở giáo dục thuộc đối tượng được hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND và tổng hợp kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học phí năm học 2023-2024 gửi báo cáo về Sở Tài chính Thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố trước ngày 31 tháng 5 năm 2024.

- Hồ sơ quyết toán: Danh sách chi tiền (đính kèm Mẫu số 01a hoặc mẫu 01b có ký nhận và Mẫu số 02 kèm chứng từ Ủy nhiệm chi) và theo yêu cầu của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện và Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố.

b) Cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện.

- Biểu mẫu báo cáo nhu cầu kinh phí:

+ Các cơ sở giáo dục công lập: Thực hiện theo Mẫu số 01a.

+ Các cơ sở giáo dục ngoài công lập không bao gồm các trường có vốn đầu tư nước ngoài: Thực hiện theo mẫu số 01b.

Cuối năm học 2023-2024, các đơn vị gửi báo cáo kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND về Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện trước ngày 25 tháng 5 năm 2024.

- Hồ sơ quyết toán: Danh sách chi tiền (đính kèm Mẫu số 01 có ký nhận và Mẫu số 02 kèm chứng từ Ủy nhiệm chi). Các đơn vị gửi về Ủy ban nhân dân huyện thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện (Bà Tự Thị Sỹ, chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, số điện thoại liên lạc: 0985.850.668).

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, đề nghị các đơn vị có ý kiến gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện để được hướng dẫn cụ thể.

(Đính kèm Nghị định 97/2023/NĐ-CP; Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND huyện (để báo cáo);
- Thường trực UBND huyện (CT, các PCT);
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.P.GDĐT.2. TTSS



Nguyễn Thị Hằng

Số: 97/2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 81/2021/NĐ-CP) như sau:

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Học phí từ năm học 2023 - 2024:

a) Đối với cơ sở giáo dục chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: Giữ ổn định mức thu học phí từ năm học 2023 - 2024 bằng mức thu học phí của năm học 2021 - 2022 do Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành áp dụng tại địa phương.

b) Đối với cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên, cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Cơ sở giáo dục xây dựng mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, trình Ủy ban nhân dân đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Mức trần học phí năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 - 2023 như sau:

a) Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh, sinh viên/tháng

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 - 2023
1	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh, quản lý	
1.1	Khoa học xã hội nhân văn, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh, quản lý	780
1.2	Nghệ thuật	940
2	Khoa học, pháp luật và toán	940
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	940
4	Sản xuất, chế biến và xây dựng	940
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	780
6	Sức khỏe	1.140
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	940
8	An ninh, quốc phòng	940

b) Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh, sinh viên/tháng

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 - 2023
1	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh, quản lý	
1.1	Khoa học xã hội nhân văn, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh, quản lý	1.640
1.2	Nghệ thuật	1.920
2	Khoa học, pháp luật và toán	1.920
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	1.920
4	Sản xuất, chế biến và xây dựng	1.920
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	1.640
6	Sức khỏe	4.040
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	1.920
8	An ninh, quốc phòng	1.920

b) Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 2 và điểm a khoản 2 như sau:

“2. Mức trần học phí từ năm học 2023 - 2024 đến năm học 2026 - 2027 như sau:

a) Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên:

Đơn vị: Nghìn đồng/học sinh, sinh viên/tháng

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 - 2026	Năm học 2026 - 2027
1	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh, quản lý	1.248	1.328	1.360	1.600
2	Khoa học, pháp luật và toán	1.326	1.411	1.445	1.700
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	1.870	1.992	2.040	2.400
4	Sản xuất, chế biến và xây dựng	1.794	1.909	1.955	2.300
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	1.287	1.370	1.400	1.650
6	Sức khỏe	2.184	2.324	2.380	2.800
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	1.560	1.660	1.700	2.000
8	An ninh, quốc phòng	1.716	1.820	1.870	2.200

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Mức trần học phí năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 - 2023:

Mức trần học phí năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 - 2023 đối với các ngành đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học công lập được áp dụng bằng mức trần học phí của các cơ sở giáo dục đại học công lập do Nhà nước quy định áp dụng cho năm học 2020 - 2021, mức cụ thể như sau:

a) Mức trần học phí đối với các khối ngành đào tạo trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục đại học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng

Khối ngành	Năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 - 2023
Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	980
Khối ngành II: Nghệ thuật	1.170
Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	980
Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	1.170

Khối ngành	Năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 - 2023
Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	1.170
Khối ngành VI.1: Các khối ngành sức khỏe khác	1.430
Khối ngành VI.2: Y dược	1.430
Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	980

b) Mức trần học phí đối với các khối ngành đào tạo trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục đại học công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng

Khối ngành	Năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 - 2023
Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	2.050
Khối ngành II: Nghệ thuật	2.400
Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	2.050
Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	2.400
Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	2.400
Khối ngành VI.1: Các khối ngành sức khỏe khác	5.050
Khối ngành VI.2: Y dược	5.050
Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	2.050

b) Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 2 và điểm a khoản 2 như sau:

“2. Học phí từ năm học 2023 - 2024 đến năm học 2026 - 2027 như sau:

a) Mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục đại học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Khối ngành	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 - 2026	Năm học 2026 - 2027
Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1.250	1.410	1.590	1.790
Khối ngành II: Nghệ thuật	1.200	1.350	1.520	1.710
Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	1.250	1.410	1.590	1.790

Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	1.350	1.520	1.710	1.930
Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	1.450	1.640	1.850	2.090
Khối ngành VI.1: Các khối ngành sức khỏe khác	1.850	2.090	2.360	2.660
Khối ngành VI.2: Y dược	2.450	2.760	3.110	3.500
Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	1.200	1.500	1.690	1.910

4. Sửa đổi tiêu đề khoản 2 Điều 28 và sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 28 như sau:

“2. Mức trần giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông năm học 2022 - 2023 như sau:

a) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định này.”

5. Bổ sung khoản 3 Điều 28 như sau:

“3. Mức trần giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông từ năm học 2023 - 2024 như sau:

a) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng mức học phí quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định này.

b) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tự bảo đảm chi thường xuyên và cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Tối đa bằng mức học phí quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định này”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và tiêu đề khoản 2 Điều 29 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Mức trần giá dịch vụ giáo dục đại học năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 - 2023: Tối đa bằng mức học phí quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này.”

b) Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 2 như sau:

“2. Mức trần giá dịch vụ giáo dục đại học từ năm học 2023 - 2024 như sau:”

7. Sửa đổi bổ sung khoản 1 và tiêu đề khoản 2 Điều 30 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Mức trần giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 - 2023: Tối đa bằng mức học phí quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này.”

b) Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 2 như sau:

“2. Mức trần giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp từ năm học 2023 - 2024 như sau:”

Điều 2. Bãi bỏ quy định sau

Bãi bỏ khoản 3 Điều 31.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Điều khoản chuyển tiếp:

a) Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập

Trường hợp Hội đồng nhân dân các tỉnh và các cơ sở giáo dục đã ban hành khung học phí hoặc mức thu học phí năm học 2023 - 2024 theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP với mức học phí tăng so với năm học 2021 - 2022 thì ngân sách địa phương đảm bảo phần chênh lệch tăng thêm so với số thu học phí năm học 2021 - 2022. Mức hỗ trợ cho từng cơ sở giáo dục do địa phương xem xét quyết định.

Trường hợp Hội đồng nhân dân các tỉnh và các cơ sở giáo dục đã ban hành khung học phí hoặc mức thu học phí năm học 2023 - 2024 theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP với mức học phí tăng so với năm học 2021 - 2022 nhưng ngân sách địa phương không đảm bảo phần chênh lệch tăng thêm so với mức thu học phí năm học 2021 - 2022 thì phải thực hiện điều chỉnh theo quy định của Nghị định này.

b) Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học công lập

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học công lập đã ban hành mức thu học phí năm học 2023 - 2024 theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP thực hiện rà soát, điều chỉnh theo quy định của Nghị định này.

c) Đối với các cơ sở giáo dục đã được phê duyệt phương án tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được tiếp tục thực hiện cơ chế thu học phí tương ứng với mức độ tự chủ tài chính đã phê duyệt. Trường hợp việc thực hiện thu học phí theo quy định tại Nghị định này dẫn đến có biến động về nguồn thu làm thay đổi mức độ tự chủ tài chính đã được phê duyệt, các cơ sở giáo dục có trách nhiệm rà soát lại các khoản thu, chi, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên rà soát, chịu trách nhiệm thẩm định để phê duyệt lại phương án tự chủ tài chính cho thời gian còn lại của thời kỳ ổn định theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).Sơn.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
THỦ TƯỚNG



*Trần Hồng Hà

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46 /2022/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông
công lập năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo trên địa bàn

Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn
bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy
định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14
tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một
số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của
Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;



Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 3381/TTr-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Nghị quyết quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số 779/BC-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và học viên đang theo học tại cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác theo chương trình giáo dục phổ thông của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông

1. Mức học phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được chia thành 2 nhóm đối tượng như sau:

a) Nhóm 1: Học sinh học tại các trường ở Thành phố Thủ Đức và các Quận: 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Gò Vấp, Tân Bình, Tân Phú, Bình Tân.

b) Nhóm 2: Học sinh học tại các trường ở các Huyện: Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè và Cần Giờ.

2. Mức học phí của năm học 2022-2023 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên:

Cấp học	Mức học phí (Nghìn đồng/học sinh/tháng)	
	Nhóm 1	Nhóm 2
Nhà trẻ	300	120
Mẫu giáo	300	100
Tiểu học	300	100
Trung học cơ sở	300	100
Trung học phổ thông	300	200

Mức học phí đối với Cấp tiểu học quy định tại điểm này không phải là mức thu thực tế cho phép thu, chỉ làm căn cứ thực hiện chính sách: hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định.

3. Mức học phí từ năm học 2023 - 2024 trở đi đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên

a) Từ năm học 2023 - 2024 đến năm học 2025 - 2026: áp dụng mức học phí quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

Trường hợp điều chỉnh mức thu học phí thì Ủy ban nhân dân Thành phố căn cứ chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không quá 7,5%/năm và không vượt mức trần quy định theo khung học phí tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Từ năm học 2026 - 2027 trở đi, căn cứ chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân, Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không quá 7,5%/năm và không vượt mức trần quy định theo khung học phí tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Khung học phí năm học 2022 - 2023 và từ năm học 2023 - 2024 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư

a) Khung học phí năm học 2022 - 2023

Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: không quá 2 lần mức trần học phí tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: không quá 2,5 lần mức trần học phí tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; cụ thể như sau:

Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên		Cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	
	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 1	Nhóm 2
Nhà trẻ	300 đến 1.080	100 đến 440	300 đến 1.350	100 đến 550
Mẫu giáo	300 đến 1.080	100 đến 440	300 đến 1.350	100 đến 550
Tiểu học	Không thu		Không thu	
THCS	300 đến 1.300	100 đến 540	300 đến 1.625	100 đến 675
THPT	300 đến 1.300	200 đến 660	300 đến 1.625	200 đến 825

b) Từ năm học 2023 - 2024: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

5. Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (học online) bằng 50% mức thu học phí của các cơ sở giáo dục công lập đã được ban hành. Mức thu học phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết này.

2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố ban hành mức thu học phí cụ thể cho từng cấp học đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

4. Thời gian thực hiện mức thu học phí: Từ năm học 2022 - 2023.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 11 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 10 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy TP.HCM;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam TP.HCM;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP.HCM;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Văn phòng Thành ủy TP.HCM;
- Văn phòng ĐDBQH và HĐND TP.HCM;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Các sở, ban, ngành TP.HCM;
- HĐND-UBND TP Thủ Đức, 05 huyện, xã, thị trấn;
- UBND các quận, phường;
- Trung tâm Công báo TP.HCM;
- Lưu: VT, (P.CTHĐND-Tuyên).



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ

Số: 36/2023/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 – 2024

UBND TP.HCM



90294/C-201223
09:08

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục;

Xét Tờ trình số 5999/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 – 2024;

Báo cáo thẩm tra số 1130/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 – 2024.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Trẻ em mầm non, học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông ngoài công lập đang học tại cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh không bao gồm các học sinh đang học tại cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 2. Chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 – 2024

1. Mức hỗ trợ

Cấp học	Mức hỗ trợ học phí (đồng/học sinh/tháng)	
	Nhóm 1	Nhóm 2
Nhà trẻ	100.000	-
Mẫu giáo	140.000	-
Trung học cơ sở	300.000	100.000
Giáo dục thường xuyên Trung học cơ sở	300.000	100.000
Trung học phổ thông	180.000	100.000
Giáo dục thường xuyên Trung học phổ thông	180.000	100.000

a) Nhóm 1: Học sinh học tại các trường ở thành phố Thủ Đức và các quận: 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Gò Vấp, Tân Bình, Tân Phú, Bình Tân.

b) Nhóm 2: Học sinh học tại các trường ở các huyện Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè và Cần Giờ.

c) Trường hợp có sự trùng lặp về chính sách quy định tại Nghị quyết này với các văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

2. Thời gian áp dụng: 09 tháng năm học 2023 – 2024.

3. Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách thành phố theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X, kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính Phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy TP.HCM;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân TP. HCM;
- Ban Thường trực UB.MTTQ Việt Nam TP.HCM;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP.HCM;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Văn phòng Thành ủy TP.HCM;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND TP.HCM;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Các sở, ban, ngành TP.HCM;
- HĐND-UBND-UBMTTQVN TP Thủ Đức, 5 huyện;
- UBND-UBMTTQVN 16 quận;
- Trung tâm Công báo TP.HCM;
- Lưu: VT, (P.CTHĐND-Tuyên).



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ

